

Bản án số **154/2022/DS-PT**

Ngày 28 - 6- 2022

V/v “Đòi lại di sản thừa kế
và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh.

Ông Nguyễn Tấn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “Đòi lại di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1746/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Phi L, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 06, tổ dân phố 7, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; thường trú: Hẻm 155 đường H, phường Đ1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H1; địa chỉ: số 85 đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969; địa chỉ: số 246 đường P, tổ dân phố 7, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Ngọc A, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố 6, phường B2, thị xã L2, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

2. Anh Hồ Ngọc S, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố 9, phường B2, thị xã L2, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị L3, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 6, tổ dân phố 7, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, chị Hồ Thị L3 có anh Hồ Phi L, nguyên đơn trong vụ án; có mặt.

4. Anh Hồ Ngọc L4, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 7, phường B2, thị xã L2, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn K, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tr - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn anh Hồ Phi L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, chị Hồ Thị L3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Hồ Phi L (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là ông Hồ Ngọc Q và bà Dương Thị B3 kết hôn năm 1978. Quá trình chung sống ông bà sinh được 05 người con gồm: Hồ Ngọc A, Hồ Ngọc S, Hồ Thị L3, Hồ Ngọc L4 và Hồ Phi L. Năm 1980, bố mẹ nguyên đơn khai hoang xây dựng nhà ở cấp 4, nay thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Năm 1992, mẹ nguyên đơn chết không để lại di chúc, bố nguyên đơn ở cùng các con trên thửa đất này. Năm 1998, bố nguyên đơn kết hôn với bà Nguyễn Thị H2 và sinh thêm được hai người con và đều sinh sống trên thửa đất bố mẹ nguyên đơn đã tạo lập, sau đó ông Q, bà H2 kê khai và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Theo nguyên đơn, toàn bộ diện tích đất do bố mẹ nguyên đơn khai hoang, tạo lập, việc Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thị xã (nay là thành phố) Đ cấp GCNQSDĐ cho bà H2, ông Q là trái pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy GCNQSDĐ của UBND thành phố Đ cấp cho bà H2, ông Q và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của mẹ nguyên đơn.

Ngày 07/02/2020, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bà H2, ông Q trả lại toàn bộ thửa đất nói trên, vì năm 1991 giữa ông Q và mẹ nguyên đơn đã ly hôn. Tại Bản án số 15/ST-LH ngày 08/5/1991 đã quyết định giao cho

mẹ nguyên đơn được sở hữu nhà ở cấp 4, nhà bếp, giếng nước, một số cây cối và bà B3 được sử dụng 900m² đất vườn và có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản cho ông Q. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu huỷ GCNQSDĐ số CR320279 ngày 18/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi cho ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111 phường B, thành phố Đ và trả lại đất cho anh chị em của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 (viết tắt là bị đơn) trình bày: Ngày 25 tháng 4 năm 1978, bị đơn được UBND thị xã Đ cấp đất nhà ở, theo Quyết định số 342/QĐ/UB thì diện tích thửa đất 500m² (dài 25m, rộng 20m). Tháng 6 năm 1978, ông Q kết hôn với bà Dương Thị B3 và sinh 05 con chung. Tháng 12/1991, bà B3 làm đơn ly hôn, nhưng ông bà chưa ly hôn. Việc nguyên đơn nộp bản án ly hôn của ông và bà B3, ông không nhất trí, vì việc ly hôn giữa ông và bà B3 chưa thực hiện được do lúc đó ông đang chấp hành án ở tù nên bản án đó không có thật. Tháng 7 năm 1992, bà B3 chết, một mình ông nuôi 5 người con còn nhỏ. Năm 1993, 1994, ông đã bán cho bà Nguyễn Thị L5 20 mét đất mặt tiền với giá 15 triệu đồng để nuôi các con ăn học. Ngày 15/02/1998, bị đơn kết hôn với bà Nguyễn Thị H2 và có 02 con chung. Từ khi kết hôn với bà H2, ông bà liên tục khai hoang thêm để tăng diện tích sản xuất. Năm 2000, các con chung của ông Q với bà B3 đề xuất cho mỗi người 4 mét đất chiều rộng, nhưng ông thấy thời điểm đó đất còn rẻ nên ông không bán. Năm 2002, bị đơn làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và ngày 20/4/2004, bị đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.354m². Ngày 09/01/2010, bị đơn chuyển nhượng 18 mét chiều rộng mặt tiền đường P để cho 5 người con, mỗi người 250.000.000 đồng (giá trị lúc đó là 10 cây vàng). Việc nguyên đơn khởi kiện đòi lại đất bị đơn không đồng ý vì đó là đất của bị đơn, không liên quan đến bà B3, nếu đòi lại đất thì nguyên đơn phải trả lại tiền cho bị đơn trị giá bằng 4 mét chiều rộng thời điểm bây giờ; bà H2 nhất trí cho anh L đất phía sau giáp đường giao thông nhưng ông Q không đồng ý, đề nghị Toà án xét xử theo pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, chị Hồ Thị L3 trình bày: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí các nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả lại đất, những người này nhận di sản thừa kế và giao cho nguyên đơn sở hữu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc L4 trình bày: Năm 1978, ông Hồ Ngọc Q có khai phá một thửa đất tại phường B, thành phố Đ. Năm 1979, ông Hồ Ngọc Q kết hôn với bà Dương Thị B3 và có 5 người con chung như nguyên đơn trình bày. Năm 1992, bà B3 chết. Sau đó ông Q kết hôn với bà Nguyễn Thị H2. Năm 2004, ông Q được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất mà ông Q khai phá từ năm 1978. Anh L4 xác định

thửa đất trên là tài sản riêng của ông Q, không liên quan tới bà B3. Bên cạnh đó, ông Q cũng đã cho các con tài sản từ việc bán đất. Vì vậy, anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND thành phố Đ trình bày: Năm 2004, ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 2350,5m² thuộc tờ bản đồ số 100, thửa đất số 43, trong đó có 200m² đất ở, năm 2010 cấp đổi lại GCNQSDĐ với diện tích 1.586m², tờ bản đồ số 101, thửa đất số 153, diện tích đất ở đô thị 150m², năm 2019 cấp đổi lại GCNQSDĐ với diện tích 2266,7m², tờ bản đồ số 111, thửa đất số 140, diện tích đất ở 350m². Trong hồ sơ cấp đất chỉ có quyết định giao đất số 342 của UBND thị xã Đ, không có bản án ly hôn số 15/ST-LH như phía nguyên đơn xuất trình. Trong vụ án này, nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn chưa có đất ở, hai bên nên suy nghĩ thấu đáo tình cha con để đưa ra phương án hợp lý.

Tại Công văn số 376/VPĐKĐĐ ngày 31/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình trình bày: Ngày 21/5/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động đất đai và đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ của ông Hồ Ngọc Q và bà Nguyễn Thị H2 trú tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (do hợp thửa đất) đối với thửa đất số 124, 125, 126, 127, 153 tờ bản đồ số 100 thành 01 thửa đất, được chỉnh lý thành thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, diện tích 2.141,7m²; đồng thời thay đổi thông tin chủ sử dụng đất do tài sản riêng của ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 mà GCNQSDĐ đã cấp cho hộ gia đình, nay chủ sử dụng đất đề nghị ghi tên ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2.

Theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ, đơn trình bày xác nhận tài sản riêng của ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 được UBND phường B xác nhận ngày 14/5/2019. Căn cứ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013; Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 31 Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định về trình tự thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thì việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trên cơ sở đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ lập hồ sơ chuyển Văn phòng đăng ký đất đai trình Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ cho ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 (Giấy chứng nhận số

phát hành CR 320279, sổ vào sổ cấp GCN CS 10670, thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, diện tích 2141,7m², tại tổ dân phố 7, phường B, thành phố Đ, ký ngày 18/6/2019).

Ngày 16/9/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Hới tiếp nhận hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ của ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, diện tích 2.141,7m² (do sai sót, không đúng diện tích sử dụng của gia đình). Theo hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 98, Điều 103, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điểm b khoản 5 Điều 24, Điều 76, điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm k khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT; Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT thì việc cấp đổi GCNQSDĐ của ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trên cơ sở đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ lập hồ sơ chuyển Văn phòng đăng ký đất đai trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành CR320279, sổ vào sổ cấp GCN CS 10670; đồng thời ký cấp đổi GCNQSDĐ số phát hành CR 446684, sổ vào sổ cấp GCN CS 11190, thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, diện tích 2.266,7m², tại tổ dân phố 7, phường B, thành phố Đ, ký ngày 08/11/2019.

Như vậy, việc đăng ký biến động đất đai, cấp đổi GCNQSDĐ cho ông Hồ Ngọc Quý, bà Nguyễn Thị H2 được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên không chấp nhận yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Hồ Ngọc Quý, bà Nguyễn Thị H2.

Đối với giao dịch dân sự tranh chấp di sản thừa kế, việc phán quyết thuộc thẩm quyền của Toà án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thực hiện thu hồi GCNQSDĐ đã cấp hoặc giữ nguyên GCNQSDĐ đã cấp căn cứ vào bản án xét xử của Toà án về nội dung này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS - ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Phi L, buộc ông Q, bà H2 phải trả lại cho anh L phần di sản của bà B3 để lại 386,4m², trong đó 80m² đất ở, còn lại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ tại tổ dân phố 7, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có tứ cận: Cạnh hướng Tây Bắc giáp đường giao thông kích thước 15,30m; cạnh hướng Đông Bắc giáp thửa đất số 72 (đất của Minh Hà) kích thước 25,43m; cạnh Tây Nam giáp đất ông Q có kích thước 25,43m; cạnh Đông Nam giáp phần đất còn lại của ông Q có kích thước 15,32 mét.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 107/2021/DS - PT ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên xử: Chấp nhận kháng nghị số 29/KN - DS - VC2 ngày 27/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của anh Hồ Phi L, ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2. Hủy toàn bộ Bản án số 20/2020/DS - ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình để thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thông báo thụ lý số 450/TB - TLVA ngày 26/6/2021, nguyên đơn anh Hồ Phi L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CR 320279 ngày 18/6/2019 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111 phường B, thành phố Đ; chia di sản thừa kế của bà B3 để lại theo quy định của pháp luật đối với 2.141,7m² tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111 phường B, thành phố Đ trong khối tài sản chung hợp nhất của ông Q, bà B3 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 không nhất trí việc khởi kiện của nguyên đơn; chị Hồ Thị L3, anh Hồ Ngọc S, anh Hồ Ngọc A là người có quyền lợi liên quan vụ án có bản tự khai nhất trí việc khởi kiện bổ sung của nguyên đơn và nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho nguyên đơn anh Hồ Phi L; anh Hồ Ngọc L4 là người có quyền lợi liên quan vụ án có bản tự khai không nhất trí việc khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án phân xử chia di sản thừa kế thì anh L4 xin nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bị đơn ông Hồ Ngọc Q; đại diện UBND thành phố Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình có văn bản giữ nguyên ý kiến đã nêu trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2021/DS-ST ngày 11/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 616, điểm c khoản 1 Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Hồ Phi L về việc đòi lại 900 m² đất là di sản thừa kế của bà Dương Thị B3 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, phường B, thành phố Đ.

2. Không chấp yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Phi L về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 320279 ngày 18/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 tại

thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, phường B, thành phố Đ và phân chia phần di sản thừa kế của bà Dương Thị B3 trong 1.801m² đất là tài sản chung hợp nhất trong thời kỳ hôn nhân với ông Hồ Ngọc Q.

Anh Hồ Phi L được sở hữu 173,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, phường B, thành phố Đ, với kích thước như sau: Phía Tây Bắc giáp đường giao thông từ điểm 23 đến điểm 30 dài 8,665 mét; phía Tây Nam giáp thửa đất số 94 từ điểm 22 đến điểm 23 dài 9,92 mét và giáp với thửa đất số 95 từ điểm 21 đến điểm 22 dài 10,08 mét; phía Đông Nam giáp thửa đất số 96 từ điểm 20 đến điểm 21 dài 6,19 mét và giáp thửa đất số 140 của ông Q từ điểm 20 đến điểm 31 dài 2,475 mét; phía Đông Bắc giáp diện tích đất của ông Q từ điểm 30 đến điểm 31 dài 20 mét.

Anh Hồ Phi L và vợ chồng ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Cùng ngày 17/8/2021, nguyên đơn anh Hồ Phi L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, chị Hồ Thị L3 có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Yêu cầu phân chia khối tài sản chung hợp nhất trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Dương Thị B3 với ông Hồ Ngọc Q đó là quyền sử dụng đất với diện tích 1.801m². Theo bản án số 15/LH-ST ngày 08/5/1991 của Tòa án nhân dân thị xã Đ xác định chia cho bà Dương Thị B3 900m², trong đó có 500m² đất ở. Cần dựa trên cơ sở mặt tiền đường P để chia đất cho công bằng. Trong trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không sửa bản án sơ thẩm thì yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Hồ Phi L do ông Vũ Xuân H1 đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, chị Hồ Thị L3 do anh Hồ Phi L đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông Vũ Xuân H1 và anh Hồ Phi L yêu cầu phân chia khối tài sản chung hợp nhất trong thời kỳ hôn nhân giữa mẹ anh L là bà Dương Thị B3 với cha anh L là ông Hồ Ngọc Q đó là quyền sử dụng đất với diện tích 1.801m². Theo bản án số 15/LH-ST ngày 08/5/1991 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ xác định chia cho mẹ anh L là bà Dương Thị B3 900m², trong đó có 500m² đất ở. Cần dựa trên cơ sở mặt tiền đường P để chia đất cho công bằng. Ông Vũ Xuân H1 và anh Hồ Phi L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sửa bản án

sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Phi L. Trong trường hợp không sửa bản án sơ thẩm được thì ông Hải và anh L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Phi L và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, chị Hồ Thị L3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Ông Vũ Xuân H1 cho rằng anh Hồ Phi L đang khiếu nại bản án số 15/LH-ST ngày 08/5/1991 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ ở Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Nhưng xét, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Thông báo số 128/TB-VKS-DS ngày 31/3/2022 về việc không kháng nghị tái thẩm. Tại phiên tòa hôm nay ông Hải và anh L thừa nhận không có đơn khiếu nại tiếp theo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Ông Hồ Ngọc Q và bà Dương Thị B3 là vợ chồng, có các con chung bao gồm các anh, chị: Hồ Ngọc A, Hồ Ngọc S, Hồ Thị L3, Hồ Ngọc L4 và Hồ Phi L. Tại bản án số 15/LH-ST ngày 08/5/1991 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Đ, tỉnh Quảng Bình đã xét xử cho bà Dương Thị B3 được quản lý, sử dụng 900m² đất vườn và một số tài sản khác. Ngày 09/7/1992, bà B3 chết, ông Q cùng các con chung của ông Q và bà B3 nói trên sinh sống trên mảnh đất này cho đến năm 1998 ông Q kết hôn với bà Nguyễn Thị H2. Do kinh tế khó khăn, một mình nuôi 05 con còn nhỏ nên năm 1994 ông Q đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L5 200m² để bà L5 làm quán kinh doanh; năm 1996 ông Q chuyển nhượng 200m² (rộng 10m, sâu 20m) cho ông Nguyễn Bá Ng và bà Nguyễn Thị L6 để lấy tiền nuôi các con. Tháng 5/2010, ông Q và bà H2 chuyển nhượng cho ông Trương Vĩnh Q1 và bà Võ Thị T1 150m², trong đó đất ở 50m² và 100m² đất vườn (rộng 6m mặt đường P, sâu 25m). Tháng 4/2010, ông Q, bà H2 chuyển nhượng cho ông Trần Văn B4 và bà Nguyễn Thị H3 240m² đất, trong đó 100m² đất ở và 140m² đất vườn (rộng 12m mặt đường P, sâu 20m). Sau này ông B4, bà H3 tách thành hai thửa đất. Số tiền chuyển nhượng đất cho ông B4, bà H3 và ông Q1, bà T1 thì ông Q, bà H2 đã chia cho các con của bà B3 gồm: Chị Hồ Thị L3, anh Hồ Ngọc S, anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc L4 và anh Hồ Phi L mỗi người 250.000.000đ.

Như vậy, theo bản án số 15/LH-ST ngày 08/5/1991 nói trên thì bà Dương Thị B3 được giao 900m² đất vườn. Từ năm 1994 đến năm 2010, ông Q và bà H2 đã bán 790m². Trong đó, bản án sơ thẩm xác định phần của bà B3 đã bán 640m², còn lại 260m² và phần đất ông Q khai hoang thêm đã bán 150m² là có cơ sở.

Nguyên đơn anh Hồ Phi L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L3, anh Hồ Ngọc S, anh Hồ Ngọc A kháng cáo cho rằng, phần đất mẹ các anh, chị là bà Dương Thị B3 được chia 900m², trong đó có 500m² đất ở là không đúng với bản án đã tuyên. Anh Hồ Phi L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ nói trên còn yêu cầu chia đất cho anh Hồ Phi L theo đường P thì đã được bản án sơ thẩm phân tích phần diện tích đất thừa kế ở mặt đường P không còn nên không thể chia cho anh L được, đồng thời cũng không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm, do đó không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Phi L và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L3, anh Hồ Ngọc S, anh Hồ Ngọc A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn anh Hồ Phi L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện anh Hồ Phi L và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị L3, anh Hồ Ngọc A, anh Hồ Ngọc S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 34, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 95, 99, 100, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; các Điều 611, 612, 613, 616, điểm c khoản 1 Điều 618, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Hồ Phi L về việc đòi lại 900 m² đất là di sản thừa kế của bà Dương Thị B3 tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Anh Hồ Phi L được sở hữu 173,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 140, tờ bản đồ số 111, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, với kích thước như sau: Phía Tây Bắc giáp đường giao thông từ điểm 23 đến điểm 30 dài

8,665m; phía Tây Nam giáp thửa đất số 94 từ điểm 22 đến điểm 23 dài 9,92m và giáp với thửa đất số 95 từ điểm 21 đến điểm 22 dài 10,08m; phía Đông Nam giáp thửa đất số 96 từ điểm 20 đến điểm 21 dài 6,19m và giáp thửa đất số 140 của ông Q từ điểm 20 đến điểm 31 dài 2,475m; phía Đông Bắc giáp diện tích đất của ông Q từ điểm 30 đến điểm 31 dài 20m (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Anh Hồ Phi L và vợ chồng ông Hồ Ngọc Q, bà Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí: Anh Hồ Phi L, chị Hồ Thị L3, anh Hồ Ngọc S, anh Hồ Ngọc A mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền mỗi người đã nộp 300.000đ tại các biên lai thu tiền số 0002728, số 0002729, số 0002730, số 0002731 cùng ngày 16/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Phước Thanh - Nguyễn Tấn Trường

Vũ Thanh Liêm